

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+PPD	7:25	15+7	0+0		12+10	0+0	chuyen 1 rp3-ppd
2		MRM	7:25	18	0		22	0	
3		RP2+PVD1	7:25	2+19	0+0		2+20	0+0	
4		VSP01+BK8	9:25	12+8	0+0		7+15	0+0	
5		PVD1+MRM	9:25	10+9	0+0		8+14	0+0	
6		P5+PPD+CTK3	9:25	0+18+2	0+0+0		0+18+4	0+0+0	chuyen 1 p5-ppd
7		BK8+P4+HSD	11:25	0+16+0	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
8		VSP01	11:25	16	0		22	0	
9		RP3+TD3	11:25	18+0+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2023	TO: RP3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - NPhú - THỤ -	ETA: 09:20
xanh-1		HTrung	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THI YEN	RP3	24	1	7		55	VIỆN CNSH	Vietnamese
2	KIEU THI QUYNH HOA	RP3	22-23	2	15		55	VIỆN CNSH	Vietnamese
3	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NHẬT TÂN	RP3	22-23	2	15		78	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN PHÚ	RP3	25-26	2	19	60	70	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN BA THUẬN	RP3	20-21	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH KHA	RP3	27-28	2	12		65	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	30	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	TU NGỌC HAI	RP3	33-34	2	12		72	KHI	Vietnamese
10	VU MẠNH CƯỜNG	RP3	19	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG NAM	RP3	29	1	5		82	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	35	1	5		82	KHI	Vietnamese
13	BUI VĂN PHÚ	RP3	31	1	5		72	KHI	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	24	1	5		72	KHI	Vietnamese
15	ĐUƠNG HỒNG QUẬN	RP3	32	1	3		70	KHI	Vietnamese
16	ĐO DUY LỊCH	PPD	45	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN SƠN NAM	PPD	46	1	5		85	KHI	Vietnamese
18	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	44	1	7		80	KHI	Vietnamese
19	ĐÌNH NGỌC QUÝ	PPD	43	1	4	70	70	KHI	Vietnamese
20	ĐẶNG HỒNG QUẬN	PPD	47	1	5		75	KHI	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	48	1	4		72	KHI	Vietnamese
22	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	41-42	2	10		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	21	133	1.058	60	12	1	CHUYEN 01 PAX TU RP3 SANG PPD
2	PPD	7	8	43	527	70	10		1 NB NGUYEN DUC HANH TRUNG (PILOT)
TOTAL		22	29	176	1.585	130	22		
WEIGHT KG				176	1.585	130			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: MRM	CREW: VThắng - N.ANH - Son -	ETA: 09:25
CAM-1			

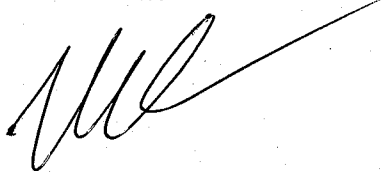
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	03	1	8		80	AMNGR	Russian
2	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	500	1	13		75	AMNGR	Russian
3	ZHIGALO ARTUR	MRM	96	1	12		85	AMNGR	Russian
4	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	87	1	13		128	AMNGR	Russian
5	SACHOK VALERII	MRM	98	1	13		87	AMNGR	Russian
6	OLESHKEVICH DMITRII	MRM	97	1	12		108	AMNGR	Russian
7	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	89	1	12		91	AMNGR	Russian
8	KOTIKOV ALEXEY	MRM	88	1	15		106	AMNGR	Russian
9	SEменов VASILII	MRM	91	1	14		81	AMNGR	Russian
10	KRASNOV ARTEM	MRM	93-94	2	16		80	AMNGR	Russian
11	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	92	1	11		87	AMNGR	Russian
12	BOYCHUK VALERY	MRM	95	1	10		70	AMNGR	Russian
13	ZAKHAROV ALEKSEI	MRM	59	1	15		79	AMNGR	Russian
14	SIDORENKO ANDREY	MRM	02	1	10		91	AMNGR	Russian
15	FILATOV SERGEY	MRM	90	1	14		112	AMNGR	Russian
16	KADATOV MIKHAIL	MRM	60	1	18		74	AMNGR	Russian
17	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	01	1	13		82	AMNGR	Russian
18	CHAGOVETS ALEKSANDR	MRM	99	1	11		78	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

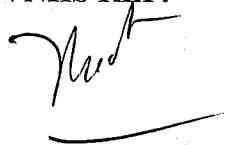
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	18	19	230	1.594	0	22		1 NOI BO: PHAM THAI SON (PC)
TOTAL		18	19	230	1.594	0	22		
WEIGHT KG				230	1.594	0			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

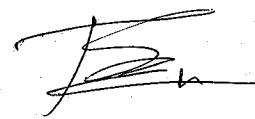
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2023	TO: RP2 - PVD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HDức - HTNam	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THU TRA	RP2	24	1	5	50	54	VIỆN CNSH	Vietnamese
2	VUONG THI NGA	RP2	25	1	5	3	57	VIỆN CNSH	Vietnamese
3	NGUYEN CONG DUAN	RP2	22	1	7		58	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN BÌNH MINH	PVD1	42	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ THANH TUNG	PVD1	88	1	10		70	PVD DD	Vietnamese
6	BENJAMIN ANDREW SMIT	PVD1	91	1	6		108	PVD DD	Russian
7	ĐỖ VĂN BIÊN	PVD1	95	1	10		78	PVDO	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG VƯƠNG	PVD1	93	1	10	10	72	PVDO	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN ĐẠT	PVD1	92	1	7		58	PVDO	Vietnamese
10	BUI MINH TUÂN	PVD1	87	1	5		75	PVDO	Vietnamese
11	PHAN VĂN MẠNH	PVD1	94	1	5		60	PVDO	Vietnamese
12	PHẠM TÂN ĐIỀN	PVD1	96	1	7		62	PVDO	Vietnamese
13	LƯU VĂN MẠNH	PVD1	01	1	5		60	PVDO	Vietnamese
14	VŨ THANH TUÂN	PVD1	98	1	6		84	PVDO	Vietnamese
15	NGUYỄN BÌNH DÂN	PVD1	41	1	8		68	PVDO	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN DŨNG	PVD1	99	1	5		65	PVDO	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH NHÂN	PVD1	43	1	3		60	PVDO	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG DŨNG	PVD1	900	1	4		86	PVDO	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁC LAM	PVD1	97	1	5		62	PVDO	Vietnamese
20	TRẦN VĂN ĐỨC	PVD1	89	1	3		73	PVDO	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	PVD1	90	1	3		73	PVDO	Vietnamese
22	TRẦN TỰ LONG	PVD1	86	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	3	3	17	169	53	2		
2	PVD1	19	19	113	1.355	10	20		
TOTAL		22	22	130	1.524	63	22		
WEIGHT KG				130	1.524	63			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: VSP01 - BK8	CREW: Hạnh - NPhú - THỤ - HTrung	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNYSHEV	VSP01	32	1	8		110	KH-THAC	Russian
2	VÕ QUANG HUY	VSP01	45-46	2	19		79	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN BÁC	VSP01	31	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH PHÚ	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	37-38	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	34	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG NGÂN	VSP01	39-40	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
8	DOÃN VIỆT ĐĂNG	VSP01	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	33	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN THOẠI	VSP01	42-43	2	7		73	YTE	Vietnamese
11	CAO VĂN KHA KHA	VSP01	41	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	35-36	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN KIM PHI HÙNG	BK8	91-92	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ QUANG VINH	BK8	83-84	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	BK8	81-82	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK8	89-90	2	16	70	73	XAYLAP	Vietnamese
17	QUẦN VĂN KHANH	BK8	85-86	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ CÔNG THUỜNG	BK8	87-88	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM TIẾN SỸ	BK8	36,51	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ TRỌNG HÙNG	BK8	79-80	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	12	16	99	915	0	7		1 NB NGUYEN DUC HANH TRUNG (PILOT)
2	BK8	8	16	136	578	70	15		
TOTAL		20	32	235	1.493	70	22		
WEIGHT KG				235	1.493	70			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/03/2023	TO: BK10 - PVD1 - MRM	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - N.ANH - DTùng - Sơn	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THANG	PVD1	55-56	2	14		68	PVD INVE\$	Vietnamese
2	TRAN VAN LAI	PVD1	54	1	11		63	PVD INVE\$	Vietnamese
3	LE DINH DAN	PVD1	52-53	2	12		62	PVD INVE\$	Vietnamese
4	VO MINH NAM	PVD1	57	1	12		90	PVD INVE\$	Vietnamese
5	NGO VAN CUONG	PVD1	51	1	14		70	PVDWS	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DUAN	PVD1	46	1	9		69	PVDWS	Vietnamese
7	BUI SY XUAN	PVD1	48	1	11		60	PVDWS	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TAN	PVD1	49-50	2	13		58	BAKERHUC	Vietnamese
9	PHAM QUANG VINH	PVD1	44-45	2	14		65	DVL	Vietnamese
10	TRUONG MINH KHANH	PVD1	47	1	13		71	DVL	Vietnamese
11	KARAVKA ANTON	MRM	04-05	2	15		82	AMNGR	Russian
12	FILATOV SERGEY	MRM	06	1	10		102	AMNGR	Russian
13	LE VAN HUY	MRM	10-11	2	15		66	HONGHA	Vietnamese
14	HO TRI	MRM	14	1	10		59	HONGHA	Vietnamese
15	NGUYEN VIET THAI	MRM	12	1	10		55	HONGHA	Vietnamese
16	TA THAI DUONG	MRM	13	1	5		54	HONGHA	Vietnamese
17	MAI DAT HAI	MRM	09	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
18	TONG VAN DAT	MRM	07	1	5		64	PSV	Vietnamese
19	HUYNH TRONG PHUC	MRM	08	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	0	0	0	0	0	0+1		CHUYEN 1 PAX BK10-PVD1 1 NOI BO: PHAM THAI SON (PC)
2	PVD1	10	14	123	676	0	8		
3	MRM	9	11	80	612	0	14		
TOTAL		19	25	203	1.288	0	22		
WEIGHT KG				203	1.288	0			

GRAND TOAL: 1.491 KGS

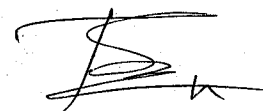
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: P5 - PPD - CTK3	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG PHÚC THĂNG	PPD	09-10	2	10		84	KHI	Vietnamese
2	LÊ HỒNG PHONG	PPD	08	1	5		83	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	15-16	2	7		75	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	19	1	3		68	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	02	1	7		84	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	13-14	2	17		56	KHI	Vietnamese
7	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	17	1	6		82	KHI	Vietnamese
8	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	18	1	3		62	KHI	Vietnamese
9	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	07	1	4		70	KHI	Vietnamese
10	LÊ HUY VINH	PPD	11-12	2	9		63	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU PHI	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
12	HÀ THẾ BAO	PPD					78	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	06	1	5		55	KHI	Vietnamese
14	ĐẠO ANH TUẤN	PPD	20	1	3		68	KHI	Vietnamese
15	LÊ QUANG NINH	PPD				20	68	KHI	Vietnamese
16	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	04-05	2	15		66	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN HỒNG	PPD	01	1	5		53	PSV	Vietnamese
18	LÊ TRẦN MINH KHÁNH	PPD	03	1	7		63	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	22	1	7	15	60	PSV	Vietnamese
20	PHẠM HỮU TÙNG	CTK3					85	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	0	0	0	0	40	0 + 1		CHUYỂN 1 PAX P5-PPD +1NB VE TU CTK3 ghi phụ?
2	PPD	18	20	106	1.252	20	19		
3	CTK3	2	1	7	145	15	3		
TOTAL		20	21	113	1.397	75	22		
WEIGHT KG				113	1.397	75			

GRAND TOAL: 1.585 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2023	TO: BK8 - P4 - HSD	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Huy -	ETA: 14:00
VANG-3		M.Đức	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	22	1	5	60	70	KHI	Vietnamese
2	LÊ MINH HIỂU	P4	25	1	8		73	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG HA	P4	29	1	3		69	KHI	Vietnamese
4	ĐO ĐỨC LONG	P4	33	1	3		56	KHI	Vietnamese
5	PHẠM HỮU THỌ	P4	26	1	7		65	KHI	Vietnamese
6	HOÀNG TRỌNG TÂN	P4	37	1	9		74	KHI	Vietnamese
7	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	36	1	5		75	KHI	Vietnamese
8	LÊ HUY CHUÔNG	P4	27	1	10		56	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	39	1	5		68	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ANH	P4	23	1	6		69	KHI	Vietnamese
11	LÊ TRUNG LAM	P4	38	1	5		71	KHI	Vietnamese
12	VÕ ĐÌNH HA	P4	34	1	8		62	KHI	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC LONG	P4	30-31	2	10		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN VŨ	P4	35	1	10		68	KHI	Vietnamese
15	LÊ VĂN THANH	P4	28	1	12		72	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG NHÂN	P4	24	1	6		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	0	0	0	0	0	1		1 NOI BO: NGUYEN MINH DUC (PC)
2	P4	16	17	112	1.084	60	17		
3	HSD	0	0	0	0	30	4		
TOTAL		16	17	112	1.084	90	22		
WEIGHT KG				112	1.084	90			

GRAND TOAL: 1.286 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2023	TO: RP1 - VSP01	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - MMinh - MQUÂN	ETA: 14:05
CAM-3		- N.Cương	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NAM HAI	RP1	13	1	8	45	82	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC BE	VSP01	49	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC THÔNG	VSP01	48	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN DUY BÌNH	VSP01	57	1	5		94	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ANH TUẤN	VSP01	58	1	3	35	74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN THUY	VSP01					85	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HỮU HA	VSP01	56	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUỐC TUẤN	VSP01	55	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CÔNG QUÂN	VSP01	53	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TRƯỞNG	VSP01	52	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN BA NGOC	VSP01	54	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH VĂN THON	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ XUÂN HẬU	VSP01	47	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	1	1	8	82	45	0		1 NOI BO: PHAN NHU CUONG (PC)
2	VSP01	16	12	59	1.170	35	22		
TOTAL		17	13	67	1.252	80	22		
WEIGHT KG				67	1.252	80			

GRAND TOAL: 1.399 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/03/2023	TO: RP3 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - HTNam	ETA: 14:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH QUANG HUY	RP3					74	KHI	Vietnamese
2	PHAM VAN THIET	RP3	85	1	5		64	KHI	Vietnamese
3	TRUONG ANH TU	RP3	70	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
4	LE TUAN ANH	RP3	69	1	6	60	73	KH-THAC	Vietnamese
5	LE XUAN HIEN	RP3	72	1	5		78	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	71	1	5		79	KHI	Vietnamese
7	PHAM HONG LINH	RP3	89	1	4		72	KHI	Vietnamese
8	KHONG TIEN DUNG	RP3	78	1	7		76	KHI	Vietnamese
9	TRAN MANH VUONG	RP3	86-87	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM TIEN HAI	RP3	83-84	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN VAN THAI	RP3	73-74	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CUONG	RP3	76-77	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	TRUONG VAN PHUC	RP3	75	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
14	HO VAN QUYNH	RP3	90	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HOAI	RP3	82	1	7		56	PSV	Vietnamese
16	PHAM HONG DIEN	RP3	88	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	LE TRONG TUYEN	RP3	79-80	2	21		58	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN THE DU	RP3	81	1	9		66	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	22	174	1.264	60	16		
2	TD3	0	0	0	0	35	6		
TOTAL		18	22	174	1.264	95	22		
WEIGHT KG				174	1.264	95			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



